

Bản án số: 52/2018/DSPT

Ngày: 02/04/2018

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung .

Các Thẩm phán: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc.

Ông Vương Minh Tâm.

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Sương -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa :
Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên .

Ngày 02 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2018/TLPT - DS, ngày 02/02/2018
về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2017/DS-ST ngày 12 tháng 12 năm
2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 57/2018/QĐPT-DS,
ngày 12 tháng 03 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V (VP); Trụ sở:
Tầng M-B, tòa nhà Thủ Đô số BH, Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng
Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng
quản trị (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền Th, chức vụ: Trưởng phòng
thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng An Ninh và phòng kiểm
soát gian lận, Phòng thu hồi nợ pháp lý, Trung tâm thu hồi nợ, Khối tín dụng
tiêu dùng Ngân hàng TMCP Việt Nam T V (theo văn bản ủy quyền số
06/2017/UQ-CT ngày 08/02/2017 (vắng mặt).

Người được ông Lê Hiền Th ủy quyền lại: Ông Nguyễn Phi L, chức vụ:
Chuyên viên tố tụng; Địa chỉ : số S/M - H V, khu vực M, Phường T , quận N,
thành phố Cần Thơ. (văn bản ủy quyền số:2203/2018/UQ-GĐK-TDTD ngày
22/03/2018, có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Minh A, sinh năm 1988 (vắng mặt); Địa chỉ: số M,
đường Đ T H, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V (VP) là nguyên đơn .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T V (VP) trình bày : Ngày 21/6/2014 ông Phạm Minh A có ký hợp đồng tín dụng số 20140629- 126005- 0001 với VP số tiền vay 36.750.000đ (trong đó, tiền vay 35.000.000đ và phí bảo hiểm 1.750.000đ) để tiêu dùng cá nhân, lãi suất thỏa thuận 3.75% tháng, thời hạn 24 tháng. Phương thức thanh toán trong vòng 24 tháng bao gồm tiền vốn, lãi tổng cộng là 56.363.000đ (trong đó tiền vay 36.750.000đ và tiền lãi là 19.613.000đ). Bắt đầu thực hiện từ ngày 01/8/2014 đến ngày 01/7/2016 kết thúc hợp đồng. Ông A phải trả tiền vào ngày 01 tây hàng tháng, 23 tháng đầu trả 2.350.000đ, tháng cuối cùng trả 2.313.000đ. Thực hiện hợp đồng, ông A đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán nợ cho Ngân hàng 10 lần bằng số tiền 25.500.000đ (trong đó tiền vốn 12.938.000đ và lãi 12.562.000đ). Kể từ ngày 19/12/2015 ông A ngưng trả nợ cho đến nay.

Nguyên đơn VP yêu cầu ông Phạm Minh A trả toàn bộ khoản nợ tới hạn là 30.863.000đ (trong đó gốc 23.812.000đ và lãi 7.051.000đ); trả lãi suất chậm thanh toán từ ngày 02/7/2016 đến ngày 12/12/2017 là 17 tháng 10 ngày theo mức lãi suất 1% tháng bằng 4.127.338đ, tổng cộng là 34.990.338đ, tiếp tục trả tiền lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam cho đến khi ông A trả xong số tiền nợ.

- *Bị đơn ông Phạm Minh A* đã được Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án ngày 03/5/2017; các văn bản tố tụng vào các ngày 31/7/2017, ngày 05/9/2017 để tham gia phiên họp kiểm tra về giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; các ngày 09/8/2017 và ngày 12/9/2017 nhưng ông A vắng mặt không lý do cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2017/DS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V đối với hợp đồng tín dụng số: 20140629-126005-0001 ngày 21/6/2014, xác lập giữa ông Phạm Minh A và Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/12/2017 nguyên đơn VP kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông A có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ

sổ nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 20140629- 126005- 0001 ngày 21/6/2014.

Ngày 21/12/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V kháng nghị phúc thẩm bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2017/DS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V có nội dung: Bản án dân sự sơ thẩm nhận định nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán vốn vay và lãi theo hợp đồng tín dụng số 20140629- 126005- 0001 ngày 21/6/2014 là chưa đủ căn cứ do đối chiếu các tài liệu chứng cứ phía nguyên đơn giao nộp như: đơn đề nghị vay vốn, mở tài khoản, phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín dụng số 098679 ngày 21/6/2014 và bản phê duyệt của Ngân hàng ngày 01/7/2014 thì số hợp đồng không phù hợp nhau, từ đó tuyên xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp với các tình tiết, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gây thiệt hại quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy cần phải được xem xét phúc thẩm theo hướng sửa toàn bộ bản án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mới đảm bảo đúng qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Người kháng cáo là VP do ông Nguyễn Phi L đại diện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông A trả số tiền lãi chậm thanh toán là 4.127.338đ, chỉ yêu cầu ông Phạm Minh A trả số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng là 30.863.000đ (trong đó gốc 23.812.000đ và lãi 7.051.000đ); và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 20140629- 126005- 0001 ngày 21/6/2014 từ ngày tiếp theo là ngày 02/07/2016 đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau :

-Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

-Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của nguyên đơn VP rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông An trả số tiền lãi 4.127.338đ. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V; Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn VP, Sửa bản án dân sự sơ thẩm. Buộc ông A có nghĩa vụ trả nguyên đơn VP số tiền 30.863.000đ (trong đó nợ gốc 23.812.000đ; nợ lãi 7.051.000đ) và trả tiền lãi chậm thanh toán phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Nguyên đơn VP không phải chịu phí dân sự phúc thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 19/12/2017 Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, ngày 22/12/2017 nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V còn trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm qui định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Minh A được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu ông A thanh toán số tiền còn nợ 30.863.000đ (trong đó gốc 23.812.000đ, lãi 7.051.000đ) và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng tín dụng số 20140629-126005-0001 ngày 21/6/2014, đơn đề nghị vay vốn, mở tài khoản, phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín dụng 098679 ngày 21/6/2014 và bản phê duyệt của Vp ngày 01/7/2014 giữa nguyên đơn với bị đơn có quan hệ hợp đồng vay số tiền 36.750.000đ, lãi suất 3.75% tháng. Theo thỏa thuận hợp đồng ông A có trách nhiệm thanh toán số tiền 56.363.000đ (trong đó tiền vay 36.750.000đ và tiền lãi là 19.613.000đ), hình thức trả góp liên tiếp trong vòng 24 tháng (24 kỳ), theo đó 23 kỳ đầu trả mỗi kỳ 2.350.000đ, kỳ cuối cùng trả 1.313.000đ, thanh toán vào ngày 01 của mỗi tháng. Bắt đầu thanh toán từ ngày 01/08/2014 đến ngày 01/07/2016 là ngày kết thúc hợp đồng. Sau khi vay ông A có trả cho VP được số tiền 25.500.000đ thì ngưng không trả tiếp. Ông A vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên VPBank yêu cầu ông An trả số tiền 30.863.000đ (trong đó nợ gốc 23.812.000đ, nợ lãi 7.051.000đ).

Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *“Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: Lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với*

sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu ông A thanh toán số tiền còn nợ 30.863.000đ (trong đó gốc 23.812.000đ , lãi 7.051.000đ) và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ chấp nhận phù hợp với qui định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử thống nhất sửa án sơ thẩm. Buộc ông Phạm Minh A có nghĩa vụ trả nguyên đơn VP số tiền 30.863.000đ (trong đó nợ gốc 23.812.000đ ; nợ lãi 7.051.000đ) tính từ ngày 01/8/2014 đến 01/07/2016; buộc ông A trả cho VP tiền lãi chậm thanh toán phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 20140629-126005-0001 ngày 21/6/2014 từ ngày tiếp theo là ngày 02/07/2016 đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V kháng nghị phúc thẩm bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2017/DS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như phân tích nêu trên.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của nguyên đơn VP rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Phạm Minh A trả số tiền lãi chậm thanh toán là 4.127.338đ. Xét thấy, đại diện của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, bảo đảm quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử thống nhất hủy một phần bản án sơ thẩm đối với phần nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện và đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này.

[5] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn VP không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và án phí sơ thẩm được xác định lại như sau:

- Ông A phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn VP được chấp nhận: $30.863.000đ \times 5\% = 1.543.000đ$ theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn VP phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần rút yêu cầu khởi kiện: $4.127.338đ \times 5\% = 206.000đ$ theo qui định tại Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 6 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không phải xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T V (VP);

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2017/DS-ST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Căn cứ Điều 147, Điều 148 và khoản 3 Điều 296; Điều 299 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số:12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 4 Điều 26; khoản 2, 6 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V (VP).

Buộc ông Phạm Minh A có nghĩa vụ trả Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V số tiền nợ gốc 23.812.000đ (hai mươi ba triệu, tám trăm mười hai ngàn đồng) và nợ lãi 7.051.000đ (bảy triệu, không trăm năm mươi một ngàn đồng), cộng chung là 30.863.000đ (ba mươi triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

Buộc Ông Phạm Minh A phải trả tiền lãi chậm thanh toán phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 20140629-126005-0001 ngày 21/6/2014 từ ngày tiếp theo là ngày 02/07/2016 đến khi thanh toán xong nợ gốc.

2. Hủy một phần bản án sơ thẩm số: 115/2017/DS-ST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V (VP) đối với yêu cầu buộc ông Phạm Minh A trả số tiền lãi chậm thanh toán là 4.127.338đ (bốn triệu một trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm ba mươi tám đồng) .

3. Về án phí :

- Ông Phạm Minh A phải nộp án phí sơ thẩm là 1.543.000đ (một triệu, năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

- Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V (VP) không phải chịu án phí phúc thẩm nhưng phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 206.000đ (hai trăm lẻ sáu ngàn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 771.000đ (bảy trăm bảy mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002482 ngày

10/04/2017 và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003235 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V (VP) được hoàn trả lại số tiền chênh lệnh là 865.000đ (tám trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTối Cao : 01;
- VKSNDTỉnh Vĩnh Long : 02;
- Tổ Nghiệp Vụ : 01;
- TAND thành phố V ; 01;
- Chi cục THADS tp V 01;
- Đ/s: 09;
- Lưu hồ sơ vụ án: 08.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Dung